

Số: /GPMT-SNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật số 146/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

*Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-SNNMT ngày 26/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 135/QĐ-SNNMT ngày 14/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 479/QĐ-SNNMT ngày 03/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công công tác giữa Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;*

*Xét Văn bản số 1281/TCT319-BQLDA1 ngày 18/4/2026 của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Tây Cổ Loa tại xã Đông Anh, thành phố Hà Nội tại xã Đông Anh, thành phố Hà Nội”; Văn bản số 1464/TCT319-BQLDA1 ngày 14/5/2026 của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng về việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án và hồ sơ kèm theo.*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Liên danh chủ dự án Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng và Công ty Cổ phần Xây dựng và dịch vụ An Sinh; Đại diện Liên danh chủ dự án là Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng, địa chỉ trụ sở chính: số 63 đường Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Tây Cổ Loa tại xã Đông Anh, thành phố Hà Nội tại xã Đông Anh, thành phố Hà Nội” tại xã Đông Anh, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Tây Cổ Loa tại xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Đại diện liên danh là Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng (theo thỏa thuận liên danh ngày 17/7/2025 giữa Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng và Công ty Cổ phần Xây dựng và dịch vụ An Sinh)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV số 0100108984 đăng ký lần đầu ngày 28/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16/7/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0100108984.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng nhà ở xã hội.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

Theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 08/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Tây Cổ Loa tại xã Đông Anh, thành phố Hà Nội và Quyết định số 3117/QĐ-UBND ngày 11/05/2026 của UBND xã Đông Anh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật

khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường Cổ Loa, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (nay là xã Đông Anh) và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án:

Quy mô của Dự án như sau: Tổng diện tích khu đất nghiên cứu khoảng: 10.617m<sup>2</sup>. Trong đó:

- Diện tích đất xây dựng công trình: 4.778 m<sup>2</sup>, bao gồm 02 công trình toà nhà hỗn hợp cao 09 tầng nổi (không bao gồm tum thang) và 01 tầng hầm; Mật độ xây dựng 45%; Hệ số sử dụng đất 4,05 lần; Dân số khoảng 1323 người; Số căn hộ 427 căn.

- Tầng hầm (gồm 01 tầng): tổng diện tích sàn khoảng 10.617 m<sup>2</sup> (bố trí đỗ xe và không gian kỹ thuật).

- Diện tích đất xây dựng HTKT, sân đường nội bộ, vườn hoa, cây xanh: khoảng 5.839 m<sup>2</sup>.

- Nhóm dự án: nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(kể từ ngày cấp phép đến hết ngày tháng 5 năm 2036).

**Điều 4.** Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Đông Anh, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- Phòng Quản lý môi trường;
- Văn phòng Sở (để đăng tải trên Công thông tin điện tử của Sở);
- Trung tâm PV HCC thành phố Hà Nội;
- UBND xã Đông Anh;
- Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT, HSQuý;

MHS H26.103-260428-101293

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Tấn**

### Phụ lục 1

## NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-SNNMT ngày / 5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ xí, tiểu.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ thoát sàn và bồn rửa tay.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nước thải nhà bếp.

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải.

Dòng nước thải số 01: Nước thải phát sinh từ nguồn 01, 02 và 03 xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

##### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống công thoát nước thải D300 nằm trên vỉa hè đường Cổ Loa thuộc địa bàn xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống công thoát nước thải D300 nằm trên vỉa hè đường Cổ Loa thuộc địa bàn xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ xả nước thải X = 2 338 208; Y = 589 302

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>)

##### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

##### 2.4. Phương thức xả nước thải:

Dòng nước thải số 01: Bơm cưỡng bức (nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm bơm theo đường ống D160 ra hố ga đầu nổi, diềm xả nước thải tự chảy vào hệ thống công thoát nước thải D300 nằm vỉa hè đường Cổ Loa thuộc địa bàn xã Đông Anh, thành phố Hà Nội).

##### 2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn

##### 2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

2.6.1. Dòng nước thải số 01: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Bảng 1, cột B, đối với thông số STT 1-11) và QCVN 40:2025/BTNMT (Bảng 2, cột B, đối với thông số STT 12, 13) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
<b>I Áp dụng QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, cột B, F ≤ 2000)</b>					
1	pH	-	6-9	06 tháng/lần (*)	Không thuộc đối tượng (*)
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 90		
	Hoặc Tổng Cacbon hữu cơ (TOC)	mg/l	≤ 45		
4	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	≤ 40		
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6		
7	S <sup>2-</sup> Sunfua	mg/l	≤ 0,5		
8	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ), tính theo N	mg/l	≤ 8,0		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15		
10	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	≤ 5.000		
<b>II Áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT (Bảng 2, cột B)</b>					
12	Chloroform	mg/l	≤ 0,8		
13	Clo dư	mg/l	≤ 2,0		
Chú thích: Tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng TOC hoặc COD					

(\*) Không bắt buộc, theo đề xuất của Chủ dự án.

(\*\*) Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:**

- Nước thải xí, tiêu từ tất cả các căn hộ, khu vực dịch vụ thương mại → ống nhánh uPVC D110 → ống đứng uPVC D110 → ống uPVC D160 → ống đứng uPVC D200 → 01 bể tự hoại 3 ngăn (V = 175 m<sup>3</sup>) đặt tại tầng hầm → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nước thải từ bồn rửa tay, nước thoát sàn tại các khu vực vệ sinh tại khu căn hộ,

khu dịch vụ thương mại → ống nhánh (uPVC) D60 → ống đứng uPVC D90 → ống ngang uPVC D140 → ống đứng uPVC D160 → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nước thải nhà bếp của các căn hộ → ống nhánh uPVC D60 → ống đứng PVC D90 → ống ngang uPVC D140 → ống đứng uPVC D160 → 01 bể tách mỡ (V = 11,67 m<sup>3</sup>) đặt nửa chìm nửa nổi tại tầng hầm → ống uPVC D200 → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Thoát nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày đêm xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, cột B) và QCVN 40:2025/BTNMT (Bảng 2, cột B) được bơm theo đường ống D160 ra hệ thống thoát nước thải D300 hiện có nằm trên vỉa hè đường Cổ Loa, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:**

### 1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ:

#### a. Bể tự hoại 03 ngăn:

- 01 bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 175 m<sup>3</sup>, đặt tại tầng hầm.

#### b. Bể tách mỡ:

- 01 bể tách mỡ thể tích V = 11,67 m<sup>3</sup>, đặt nổi tại tầng hầm.

### 1.2.2. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: 01 hệ thống xử lý.

- Công suất thiết kế: Hệ thống xử lý nước thải công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học AO + MBBR.

- Quy trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải (sau xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể hiếu khí (kết hợp MBBR) → Ngăn trung gian → Bể lắng sinh học → Bể trung chuyển → Hệ thống lọc áp lực hấp phụ → Bể khử trùng → Hồ ga đầu nổi → Hệ thống thoát nước thải D300 hiện có nằm trên vỉa hè đường Cổ Loa, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, mật, ri đường.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố tại hệ thống xử lý nước thải, không được phép xả nước thải chưa đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường. Nước thải phải được lưu chứa tạm trong điều hoà của hệ thống xử lý và Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

của pháp luật. Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đã khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải ra ngoài môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

Chủ dự án đầu tư phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi và giám sát.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm:

+ Nước thải đầu vào (tại bể điều hoà).

+ Nước thải đầu ra (sau bể khử trùng).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: đảm bảo các giá trị giới hạn nêu tại mục 2.6.1 phần A tại Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

3.3. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Liên danh chủ dự án Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng và Công ty Cổ phần Xây dựng và dịch vụ An Sinh đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải an toàn và đạt quy chuẩn về chất lượng nước thải của Dự án.

## **Phụ lục 2**

### **YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)*

#### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

1.1.1. Mạng lưới thu gom: Khí và mùi phát sinh từ các bể xử lý của các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được thu gom bằng các tuyến ống D200 và hệ thống quạt hút về tháp hấp phụ (than hoạt tính). Khí sạch sau xử lý qua ống thoát khí đường kính D200mm thoát ra ngoài môi trường.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí, mùi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi, khí thải → Quạt hút → Tháp xử lý mùi (than hoạt tính) → ống thoát khí ra môi trường.

a. Hệ thống xử lý khí mùi của hệ thống xử lý nước thải công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm:

- Quạt hút: công suất 5,5kW/380V/50Hz; Lưu lượng: 3400m<sup>3</sup>/h.

- Tháp xử lý: kích thước DxH 1100x2200mm; Vật liệu: nhựa PP.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ kỹ thuật, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, theo dõi thường xuyên quá trình vận hành, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

#### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

#### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải, đảm bảo vệ sinh môi trường.

### Phụ lục 3

## CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Đối với máy phát điện dự phòng: Để giảm thiểu tiếng ồn, rung khi hoạt động cần thực hiện các biện pháp sau:

- + Máy phát điện sử dụng loại máy trần, cách âm và cách nhiệt.
- + Sử dụng móng bê tông vững chắc và đệm giảm chấn để chống ồn và rung.
- + Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hư hỏng
- Giảm thiểu tiếng ồn từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Tiếng ồn từ máy thổi khí tại trạm xử lý nước thải được giảm thiểu bằng cách lựa chọn thiết bị có độ ồn thấp, lắp đặt bộ giảm thanh ở cả đầu hút và đầu xả, đồng thời đặt máy trong phòng cách âm có bọc vật liệu tiêu âm và cửa kín. Máy được bố trí trên bệ cao su chống rung, bố trí xa khu vực làm việc và khu dân cư để hạn chế lan truyền tiếng ồn. Thường xuyên bảo dưỡng, cân chỉnh, bôi trơn thiết bị định kỳ giúp giảm rung và mài mòn, đồng thời kiểm tra mức ồn định kỳ nhằm đảm bảo tuân thủ quy chuẩn tiếng ồn môi trường.

+ Thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hệ thống máy móc và thiết bị hệ thống xử lý nước thải kịp thời sửa chữa, thay thế, siết chặt ốc vít lỏng hạn chế rung và ồn phát sinh.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị thuộc hệ thống xử lý nước thải; thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất, nhà cung cấp nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định, an toàn.

- Bố trí không gian cây xanh, cảnh quan vừa giúp lọc không khí và tạo cảnh quan cho khu vực dự án, vừa làm giảm tác động của tiếng ồn và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ  
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026  
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	13,6
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	16
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	70
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	100
5	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	50
6	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	360
7	Than hoạt tính (trong tháp xử lý mùi) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	20
<b>Tổng cộng</b>				<b>629,6</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải phát sinh lớn nhất khoảng 35,75 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 3,45 tấn/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại công trình toà nhà được phân loại lưu chứa riêng trong các thùng có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã CTNH và biển cảnh báo theo quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các căn hộ, khu thương mại dịch vụ: Bố trí các thùng chứa dung tích 60 lít có nắp đậy tương ứng với các mã CTNH phát sinh đặt tại

các phòng thu rác của mỗi tầng (than hoạt tính sau khi thay thế sẽ được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định, không lưu giữ tại dự án), mỗi thùng chứa có dán tên, mã CTNH, biển cảnh báo theo đúng quy định.

#### 2.1.2. Kho/ khu vực lưu chứa trong nhà:

- Bố trí 02 kho chứa CTNH tại tháp A và tháp B có diện tích khoảng 8 m<sup>2</sup>/kho tại tầng hầm của mỗi toà nhà (cạnh kho tập kết CTR sinh hoạt của dự án) để thu gom và lưu chứa CTNH của Dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kết cấu BTCT, có mái tôn che, không phát tán, rò rỉ, dán nhãn cảnh báo CTNH khu vực lưu giữ CTNH theo quy định.

#### 2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn từ các bể tự hoại: thuê đơn vị có chức năng định kỳ hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định, không lưu chứa tại dự án.

- Bùn từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải: Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng hút định kỳ và vận chuyển đi xử lý theo quy định, không lưu chứa tại Dự án.

- Bùn thải phát sinh từ 01 hệ thống xử lý nước thải lưu chứa trong các bể chứa bùn, định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

#### 2.2.2. Khu vực lưu chứa:

Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu chứa trong bể chứa bùn của hệ thống xử lý.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với khu vực căn hộ và khu vực thương mại dịch vụ: bố trí 03 thùng nhựa HDPE có nắp đậy, thể tích 120 lít/thùng (1 thùng chứa rác thải hữu cơ, 1 thùng chứa rác thải sinh hoạt khác, 1 thùng chứa rác thải có khả năng tái chế), mỗi tầng bố trí 02 phòng rác (toà tháp A: 01 phòng và toà tháp B: 01 phòng) có diện tích 2 m<sup>2</sup>/phòng.

- Đối với khu vực tầng hầm: bố trí các thùng 20-60 lít/ thùng.

- Đối với khu vực công cộng, đường nội bộ: Bố trí các thùng HDPE có nắp đậy, đặt tại khu vực công cộng, sân đường nội bộ, đường giao thông,... để thu gom, phân loại lưu chứa rác thải sinh hoạt, thể tích 60-100 lít.

#### 2.3.2. Kho lưu chứa:

Bố trí 02 kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tại tầng hầm của Dự án, diện tích khoảng 20 m<sup>2</sup>/kho, có mái che, đặt tại tầng hầm của mỗi toà nhà. Tại đây bố trí 05 xe rác đầy tay dung tích 1.000 lít.

### 3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/ngày.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG  
(nếu có)**

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu lưu giữ CTNH đáp ứng các quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / 5/2026  
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.**

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

2. Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát bụi nghiêm ngặt (che chắn lưới, bạt, rửa xe, phun sương giảm bụi...).

- Lắp đặt hệ thống phun sương giảm bụi tại các khu vực tập trung thi công xây dựng,

- Thực hiện phủ bạt lên phía trên bãi tập kết đất hữu cơ trong phạm vi Dự án để hạn chế tác động của bụi; Bổ sung vật liệu che phủ (cây xanh hoặc vật liệu chuyên dụng) cho các bề mặt đất đang thi công.

- Thực hiện Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND ngày 08/11/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Đề án “Tổng thể công tác quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn thành phố giai đoạn đến năm 2030”; Các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 2530/QĐ-TTg ngày 19/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch hành động Quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 05/5/2026 của UBND Thành phố về việc tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố.

- Chủ dự án đầu tư thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng các quy chuẩn QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

6. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

8. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

9. Sau khi hệ thống hạ tầng kỹ thuật và mạng lưới thu gom nước thải của phân khu đô thị N8 được đầu tư hoàn thiện, đồng bộ theo quy hoạch, nước thải phát sinh từ Dự án được đưa vào hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải Cổ Loa giai đoạn I theo quy định.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.